

Thanh Hoá, ngày tháng 06 năm 2022

**BÁO CÁO**  
**CỦA HĐQT TRÌNH ĐHĐCĐ BIỂU QUYẾT THÔNG QUA CÁC VẤN ĐỀ**  
**THUỘC THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐHĐCĐ CÔNG TY CỔ**  
**PHẦN SÔNG ĐÀ 25 TRƯỚC KHI TÁCH**

**Kính thưa:** Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Sông Đà 25 trước khi tách

- Căn cứ Luật doanh nghiệp của Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam số: 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021;

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Sông Đà 25.

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông công ty cổ phần Sông Đà 25 trước khi tách xem xét, biểu quyết thông qua các vấn đề sau:

**1. Thông qua Báo cáo của HĐQT, Báo cáo của BKS, báo cáo tài chính năm 2021:**

**1.1 Nội dung báo cáo của HĐQT, báo cáo của BKS: Như tài liệu trình ĐHĐCĐ.**

**1.2 Báo cáo tài chính năm 2021**

\* Báo cáo kiểm toán số: 141/BCKT/TC ngày 25/03/2022 của Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA) (có báo cáo kèm theo)

\* **Tình hình tài chính Công ty tại ngày 31/12/2021:**

<b>1- Tài sản ngắn hạn</b>	<b>22.959.949.918</b>
- Tiền và các khoản tương đương tiền	198.770.108
- Các khoản phải thu ngắn hạn	20.319.326.088
- Hàng tồn kho	2.441.853.722
- Tài sản ngắn hạn khác	0
<b>2- Tài sản dài hạn</b>	<b>25.487.365.219</b>
- Tài sản cố định	22.747.729.416
+ Nguyên giá	63.292.516.286
+ Hao mòn lũy kế	-40.944.786.870
- Chi phí XDCB dở dang	0
- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	82.623.600
- Tài sản dài hạn khác	2.657.012.023
<b>3- Nợ phải trả</b>	<b>53.543.506.178</b>
- Nợ ngắn hạn	53.421.506.178
- Nợ dài hạn	122.000.000
<b>4- Vốn chủ sở hữu</b>	<b>-5.096.191.041</b>
- Vốn góp của chủ sở hữu	43.437.000.000
- Thặng dư vốn cổ phần	2.984.347.320
- Quỹ đầu tư phát triển	18.172.649.403
- Lợi nhuận chưa phân phối	-69.690.187.764

**\* Kết quả kinh doanh:**

1- Tổng doanh thu và thu nhập khác:	42.291.600.380
2- Tổng chi phí:	52.831.120.514
3- Tổng lợi nhuận sau thuế:	-10.539.520.134
4- Cổ tức	0

**\* Báo cáo kết quả thực hiện các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu năm 2021:**

**CÁC CHỈ TIÊU KINH TẾ ĐẠT ĐƯỢC NĂM 2021**

TT	Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2020		
			Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ HT KH
<b>A</b>	<b>Tổng giá trị SXKD</b>	<b>10<sup>6</sup> đ</b>	<b>57.926</b>	<b>42.324</b>	<b>73,07%</b>
I	Giá trị kinh doanh xây lắp	10 <sup>6</sup> đ	21.926	10.482	47,81%
II	Giá trị sản xuất công nghiệp	10 <sup>6</sup> đ	36.000	31.842	88,45%
III	Kế hoạch tài chính				
1	Tổng doanh thu	10 <sup>6</sup> đ	47.818	38.477	80,47%
2	Doanh thu xây lắp	10 <sup>6</sup> đ	16.727	9.529	56,97%
3	Doanh thu SXCN + Doanh thu khác	10 <sup>6</sup> đ	31.091	28.948	93,11%
4	Tiền về tài khoản	10 <sup>6</sup> đ	54.500	29.674	54,45%
5	Lợi nhuận trước thuế	10 <sup>6</sup> đ	500		
6	Nộp ngân sách	10 <sup>6</sup> đ	4.919	10.923	222,06%
IV	Lao động tiền lương				
1	Tổng số CBCNV sử dụng	người	115	109	94,78%
2	Thu nhập bình quân	10 <sup>6</sup> đ	7.000	6.000	85,71%
<b>B</b>	<b>Kế hoạch đầu tư</b>	<b>10<sup>6</sup> đ</b>	<b>2.000</b>		
	Xây lắp	10 <sup>6</sup> đ	2.000		

**2. Thông qua quyết toán thù lao HĐQT, BKS năm 2021:**

- Dự toán chi phí thù lao HĐQT, BKS công ty năm 2021 là 216.000.000 đồng.
- Quyết toán thù lao HĐQT, BKS năm 2021 theo tỷ lệ hoàn thành kế hoạch SXKD là 75% như sau:  $216.000.000 \times 75\% = 162.000.000$  đồng.

Trong đó:

+ Tiền thù lao HĐQT : 99.000.000 đồng

+ Tiền thù lao BKS : 63.000.000 đồng

**3. Thông qua kết quả thẩm định giá xác định giá trị doanh nghiệp thời điểm 31/12/2021:**

Thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021, Hội đồng quản trị công ty đã lựa chọn đơn vị kiểm toán và đơn vị thẩm định giá xác định giá trị doanh nghiệp công ty cổ phần Sông Đà 25 tại thời điểm 31/12/2021. Kết quả như sau:

ĐVT: Đồng

Số TT	TÊN TÀI SẢN	SỐ LIỆU KẾ TOÁN	SỐ LIỆU XÁC ĐỊNH LẠI	CHÊNH LỆCH
1	2	3	4	5 = 4 - 3
<b>A</b>	<b>TÀI SẢN ĐANG DÙNG</b>	<b>48.269.503.711</b>	<b>93.054.012.488</b>	<b>44.784.508.777</b>
<b>I</b>	<b>Tài sản dài hạn</b>	<b>25.309.553.793</b>	<b>58.044.269.420</b>	<b>32.734.715.627</b>
1	Tài sản cố định	22.569.917.990	55.216.287.026	32.646.369.036
1.1	Tài sản cố định hữu hình	22.569.917.990	39.676.177.493	17.106.259.503
-	<i>Nguyên giá</i>	<i>60.682.807.465</i>	<i>82.203.494.849</i>	<i>21.520.687.384</i>
-	<i>Giá trị hao mòn lũy kế (*)</i>	<i>(38.112.889.475)</i>	<i>(42.527.317.356)</i>	<i>(4.414.427.881)</i>
1.2	Tài sản cố định thuê tài chính	-	-	-
1.3	Tài sản cố định vô hình	-	15.540.109.533	15.540.109.533
2	Bất động sản đầu tư	-	-	-
3	Tài sản dở dang dài hạn	-	-	-
-	<i>Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</i>	-	-	-
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	82.623.600	82.623.600	-
-	<i>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</i>	<i>189.500.000</i>	<i>189.500.000</i>	-
-	<i>Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)</i>	<i>(106.876.400)</i>	<i>(106.876.400)</i>	-
5	Các khoản phải thu dài hạn	-	-	-
6	Tài sản dài hạn khác	2.657.012.203	2.745.358.794	88.346.591
-	<i>Chi phí trả trước dài hạn</i>	<i>2.657.012.203</i>	<i>2.657.012.203</i>	-
<b>II</b>	<b>TSLĐ và đầu tư ngắn hạn</b>	<b>22.959.949.918</b>	<b>22.959.949.918</b>	<b>-</b>
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	198.770.108	198.770.108	-
1.1	Tiền	198.770.108	198.770.108	-
-	<i>Tiền mặt tồn quỹ</i>	<i>73.208.500</i>	<i>73.208.500</i>	-
-	<i>Tiền gửi Ngân hàng không kỳ hạn</i>	<i>125.561.608</i>	<i>125.561.608</i>	-
2	Các khoản Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	20.319.326.088	20.319.326.088	-
-	<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</i>	<i>37.122.429.667</i>	<i>37.122.429.667</i>	-
-	<i>Phải thu ngắn hạn khác</i>	<i>395.696.763</i>	<i>395.696.763</i>	-
-	<i>Dự phòng phải thu khó đòi</i>	<i>(17.198.800.342)</i>	<i>(17.198.800.342)</i>	-

4	Hàng tồn kho	2.441.853.722	2.441.853.722	
-	<i>Hàng tồn kho</i>	2.451.491.222	2.451.491.222	-
-	<i>Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)</i>	(9.637.500)	(9.637.500)	-
5	Tài sản ngắn hạn khác	-	-	-
<b>III</b>	<b>Giá trị lợi thế kinh doanh</b>	-	-	-
<b>IV</b>	<b>Giá trị quyền sử dụng đất</b>	-	<b>12.049.793.150</b>	<b>12.049.793.150</b>
<b>B</b>	<b>TÀI SẢN CHỜ THANH LÝ</b>	<b>177.811.426</b>	<b>177.811.426</b>	-
<b>I</b>	<b>Tài sản dài hạn</b>	<b>177.811.426</b>	<b>177.811.426</b>	-
1	Tài sản cố định	177.811.426	177.811.426	-
1.1	Tài sản cố định hữu hình	177.811.426	177.811.426	-
-	<i>Nguyên giá</i>	<b>3.009.708.820</b>	<b>3.009.708.820</b>	-
-	<i>Giá trị hao mòn lũy kế (*)</i>	<b>(2.831.897.394)</b>	<b>(2.831.897.394)</b>	-
1.2	Tài sản cố định vô hình	-	-	-
2	Bất động sản đầu tư	-	-	-
3	Tài sản dở dang dài hạn	-	-	-
<b>C</b>	<b>TÀI SẢN KHÔNG CẦN DÙNG</b>	-	-	-
<b>D</b>	<b>TÀI SẢN HÌNH THÀNH TỪ QKTPL</b>	-	-	-
<b>E</b>	<b>TÀI SẢN CHỜ XỬ LÝ</b>	-	-	-
<b>0</b>	<b>TỔNG GIÁ TRỊ TÀI SẢN CỦA DN (A+B+C+D+E)</b>	<b>48.447.315.137</b>	<b>93.231.823.914</b>	<b>44.784.508.777</b>
<b>F</b>	<b>TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ DN</b>	<b>48.447.315.137</b>	<b>93.231.823.914</b>	<b>44.784.508.777</b>
<b>F1</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>53.543.500.179</b>	<b>53.543.500.179</b>	-
	Trong đó: Giá trị quyền sử dụng đất mới nhận giao phải nộp NSNN	-	-	-
<b>F2</b>	<b>NGUỒN KINH PHÍ SỰ NGHIỆP</b>	-	-	-
<b>G</b>	<b>TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ PHẦN VỐN CHỦ SỞ HỮU TẠI DOANH NGHIỆP [A-&lt;F1+F2&gt;]</b>	<b>-5.096.185.042</b>	<b>39.688.323.735</b>	<b>44.784.508.777</b>
G1	SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN ĐÃ PHÁT HÀNH LẦN ĐẦU	4.343.700	4.343.700	-
G2	MỆNH GIÁ CỔ PHẦN PHÁT HÀNH LẦN ĐẦU	10.000	10.000	-
G3	SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN ĐÃ PHÁT HÀNH THỜI ĐIỂM 28 THÁNG 06 NĂM 2021	4.343.700	4.343.700	-

G4	<b>GIÁ TRỊ 1 CỔ PHẦN THỜI ĐIỂM 31 THÁNG 12 NĂM 2021 (G4=G/G3)</b>	-1.173	9.137	10.310
----	---	--------	-------	--------

**- Giá trị tài sản thực tế của Công ty cổ phần Sông Đà 25 tại thời điểm 31/12/2021 của công ty là:**

- + Giá trị theo sổ sách: 48.447.315.137 đồng.
- + Giá trị theo đánh giá lại: 93.231.823.914 đồng.
- + Tăng/Giảm so với sổ sách: 44.784.508.777 đồng.

**- Giá trị thực tế phần vốn Chủ sở hữu của Công ty cổ phần Sông Đà 25 thời điểm 31/12/2021 của công ty là:**

- + Giá trị theo sổ sách: -5.096.185.042 đồng.
- + Giá trị theo đánh giá lại: 39.688.323.735 đồng.
- + Tăng/Giảm so với sổ sách: 44.784.508.777 đồng.

**- Giá trị 1 cổ phần của Công ty cổ phần Sông Đà 25 thời điểm 31/12/2021 là:**

- + Giá trị theo sổ sách: -1.173 đồng/1 cổ phần.
- + Giá trị theo đánh giá lại: 9.137 đồng/1 cổ phần.
- + Tăng/Giảm so với sổ sách: 10.310 đồng/1 cổ phần.

#### **4. Thông qua kết quả tách công ty theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021**

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 về việc tách công ty, Công ty cổ phần Sông Đà 25 đã gửi hồ sơ tách công ty đến Phòng đăng ký kinh doanh - Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Thanh Hóa. Sau khi thẩm định Phòng đăng ký kinh doanh - Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Thanh Hóa đã cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cho các công ty sau tách như sau:

+) Công ty cổ phần MTS Quảng Yên: Mã số doanh nghiệp 2803011884, đăng ký lần đầu ngày 28/01/2022.

Địa chỉ trụ sở chính: Thôn Phú Ninh, xã Quảng Yên, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.

Vốn điều lệ: 19.425.210.000 đồng

Mệnh giá 1 cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 1.942.521

Người đại diện theo pháp luật của công ty: Ông **Nguyễn Trọng Thấu** - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Danh sách cổ đông sáng lập: 3 cổ đông

- Ông Nguyễn Trọng Thấu: Số lượng 1.078.099 cổ phần, tương đương giá trị là 10.780.990.000 đồng, chiếm tỷ lệ 55,50%.

- Ông Hoàng Hải Việt: Số lượng 581.396 cổ phần, tương đương giá trị là 5.813.960.000 đồng, chiếm tỷ lệ 29,93%.

- Bà Lý Thị Hồng: Số lượng 283.026 cổ phần, tương đương giá trị là 2.830.260.000 đồng, chiếm tỷ lệ 14,57%.

+) Công ty cổ phần GPF Việt Nam: Mã số doanh nghiệp 2803011891, đăng ký lần đầu ngày 28/01/2022.

Địa chỉ trụ sở chính: 100 Trường Thi, phường Trường Thi, Thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Vốn điều lệ: 11.889.790.000 đồng

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 1.188.979

Người đại diện theo pháp luật của công ty: Ông **Hoàng Hải Việt** - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Danh sách cổ đông sáng lập: 3 cổ đông

- Ông Nguyễn Trọng Thấu: Số lượng 659.883 cổ phần, tương đương giá trị là 6.598.830.000 đồng, chiếm tỷ lệ 55,50%.

- Ông Hoàng Hải Việt: Số lượng 355.861 cổ phần, tương đương giá trị là 3.558.610.000 đồng, chiếm tỷ lệ 29,93%.

- Bà Lý Thị Hồng: Số lượng 173.235 cổ phần, tương đương giá trị là 1.732.350.000 đồng, chiếm tỷ lệ 14,57%

+) Công ty cổ phần Sông Đà 25: Mã số doanh nghiệp 2800221072, đăng ký lần đầu ngày 09/02/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 28/01/2022

Địa chỉ trụ sở chính: 100 Trường Thi, phường Trường Thi, Thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Vốn điều lệ: 12.122.000.000 đồng

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 1.212.200

Người đại diện theo pháp luật của công ty: Ông Hoàng Hải Việt - Chức vụ: Giám đốc công ty.

**5. Thông qua Báo cáo thẩm định vốn chủ sở hữu của Công ty cổ phần Sông Đà 25 sau khi tách.**

**6. Thông qua nội dung Đại Hội đồng cổ đông uỷ quyền cho Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Sông Đà 25 trước khi tách thông qua các vấn đề khác thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ.**

Kính thưa Quý cổ đông trên đây là báo cáo những vấn đề HĐQT trình ĐHĐCĐ công ty cổ phần Sông Đà 25 trước khi tách, đề nghị Quý cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng cảm ơn./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
Chủ tịch  
  
**Nguyễn Trọng Thấu**